

Số: 161 /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 23 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
Đường giao thông từ bản Pa Thắng đi A Chè, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản phiên họp Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 15/01/2025 và Thông báo số 132/TB-STNMT ngày 15/01/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường giao thông từ bản Pa Thắng đi A Chè, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè;

Xét Công văn số 12/CV-Ban QLCTDA ngày 20/01/2025 của Ban Quản lý công trình dự án phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Tè về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường giao thông từ bản Pa Thắng đi A Chè, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 218/TTr-STNMT ngày 22/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường giao thông từ bản Pa Thắng đi A Chè, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý công trình dự án phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Tè (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại

xã Thu Lũm, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu công khai danh sách Hội đồng thẩm định và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: GTVT, XD, NN&PTNT, KH-CN;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Văn phòng UBND tỉnh: CB, HCC, V2, V3;
- Lưu: VT, Kt7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Trọng Hải

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỪ BẢN PA THẮNG ĐI A CHÈ, XÃ
THU LŨM, HUYỆN MUỜNG TÈ**

(Kèm theo Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đường giao thông từ bản Pa Thắng đi A Chè, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè.
- Địa điểm thực hiện: xã Thu Lũm, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý công trình dự án phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Tè.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Quy mô sử dụng đất: tổng diện tích thực hiện dự án là 4,92 ha.

1.2.2. Quy mô của dự án: đầu tư xây dựng mới tuyến đường với chiều dài 8,224 km được thiết kế theo quy mô đường giao thông nông thôn loại D (theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 và TCVN 10380:2014, có châm chước một số yếu tố kỹ thuật). Điểm đầu tuyến của dự án nằm ở vị trí Km0+00 bắt đầu tại bản Pa Thắng, điểm cuối tuyến tại Km8+224 tại bản A Chè với bề rộng nền đường 2 m, bề rộng mặt đường 2m, kết cấu mặt đường bê tông 05 km và đường đất 3,224 km, công trình thoát nước ngang và xây dựng hoàn trả hệ thống thủy lợi.

1.3. Công nghệ sản xuất: Dự án không thuộc loại hình sản xuất.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Phần đường: đầu tư xây dựng mới tuyến đường theo quy mô đường GTNT loại D có châm chước một số yếu tố kỹ thuật.
 - + Bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 2,0 \text{ m}$;
 - + Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\text{max}} = 15 \%$ (cá biệt $I_{\text{max}} = 18 \%$);
 - + Độ dốc ngang lề đường (phía taluy âm) $I_{\text{lề}} = 4 \%$;
 - + Bán kính đường cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 5 \text{ m}$.
- Kết cấu mặt đường (chiều dài 8,224 km):
 - + Đoạn có chiều dài 5 km: bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 2,0 \text{ m}$; độ dốc ngang mặt đường $I_{\text{mặt}} = 2\%$; kết cấu mặt đường BTXM M200, dày 14 cm, dưới lót ni lon;
 - + Đoạn có chiều dài 3,224 km: bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 2,0 \text{ m}$; độ dốc ngang mặt đường $I_{\text{mặt}} = 2\%$; kết cấu mặt đường đất lu lèn chặt.
- Hệ thống thoát nước ngang:

+ Xây dựng 25 cống tròn có đường kính trong D100 cm; D150 cm và D200 cm (theo định hình 533-01-01) chiều dày lần lượt là 12 cm, 16 cm, 20 cm, kết cấu BTCT M200#;

+ Xây dựng 01 cống tròn đôi đường kính trong D200 cm (theo định hình 533-01-01) dày 20 cm kết cấu BTCT M200#;

+ Xây dựng 03 cống bản Lo = 1,0 m (theo định hình 69-34X); kết cấu móng cống, tường đầu, tường cánh, hồ tụ, sân cống bằng BTXM M150#;

+ Xây dựng 01 cống hộp thoát nước kích thước rộng 03 m, cao 03 m; đáy cống đổ bê tông lót VXM M100#, dày 10 cm; kết cấu thân cống bằng BTCT M300#.

- Xây dựng hoàn trả hệ thống th thủy lợi: lắp đặt mới 250 m ống thủy lợi, loại ống HDPE (PE100) PN10:

+ Ống HDPE (PE100) có đường kính trong 160 mm (DN160) dài 214 m;

+ Ống HDPE (PE100) có đường kính trong 280 mm (DN280) dài 36 m, vị trí qua đường ống được chôn sâu 1,0 m, bọc ống bằng BTXM M150#, đá 1x2, kích thước (45x45)cm;

+ Xây dựng mới bể cửa vào và bể cửa ra tuyến ống có cùng kích thước: dài 3 m, rộng 1,2 m, sâu 1,0 m. Kết cấu thành và đáy bể bằng BTCT M200#, đá 1x2, dày 15 cm, đáy lót nilon.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ với diện tích 4,76 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn chuẩn bị: hoạt động giải phóng mặt bằng.

- Giai đoạn thi công: hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, đất đá thải và thi công, đào đắp các hạng mục công trình của dự án sẽ phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, đất đá thải, chất thải nguy hại... gây ảnh hưởng đến môi trường không khí, chất lượng nước mặt, hệ thống giao thông, cảnh quan môi trường khu vực dự án.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa định kỳ (hệ thống thoát nước ngang) làm phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

a) Giai đoạn thi công

- Nước thải:

+ Nguồn phát sinh: nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân; nước thải

từ hoạt động xây dựng;

+ Quy mô: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $3,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ); nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng khoảng $44,874 \text{ m}^3/\text{s}$; nước thải thi công phát sinh với lưu lượng khoảng $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ); nước rửa cốt liệu phát sinh khoảng $1,44 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ);

+ Tính chất: nước thải sinh hoạt: TSS, BOD₅, COD, dầu mỡ động thực vật, coliform,...; nước thải xây dựng: TSS, độ đục.

- Bụi, khí thải:

+ Nguồn phát sinh: hoạt động vận chuyển máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu xây dựng, đào đắp nền đường, vận chuyển đất đá thải...

+ Tính chất: bụi, CO, SO₂, NO_x,...

b) Giai đoạn vận hành

Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận tải lưu thông trên tuyến đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, SO₂, NO_x,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn thông thường:

+ Nguồn phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân; chất thải rắn từ hoạt động xây dựng;

+ Quy mô, tính chất: (1) chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng $16,8 \text{ kg}/\text{ngày}$ (24 giờ); (2) chất thải rắn xây dựng như vật liệu thừa, nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao bì, thùng gỗ,... khoảng $7,3 \text{ tấn}$; (3) đất đá thải $60.716,11 \text{ m}^3$; (4) thực bì phát quang gồm thân cây, lá cây, cỏ, cây bụi khoảng $97,66 \text{ tấn}$.

- Chất thải nguy hại:

+ Nguồn phát sinh: từ hoạt động sửa chữa các thiết bị trong trường hợp sửa chữa nhỏ, quá trình tẩy sơn;

+ Quy mô, tính chất: giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang,... khoảng $30 \text{ kg}/\text{năm}$.

b) Giai đoạn vận hành

- Nguồn phát sinh: chất rắn thông thường từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa định kỳ (hệ thống thoát nước ngang).

- Quy mô, tính chất: cát đá, bùn đất... khối lượng không đáng kể, tùy thuộc vào thời gian bảo trì và chiều dài tuyến đường bảo trì, bảo dưỡng.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công

- Nguồn phát sinh: hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên công

trường và các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu, đất đá thải thi công xây dựng.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành

Phát sinh khi có hoạt động của các phương tiện di chuyển trên tuyến đường nhưng cường độ tiếng ồn, độ rung không đáng kể.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải nấu ăn, tắm giặt: xử lý lắng cặn sơ bộ qua song chắn rác sau đó chảy vào nguồn tiếp nhận;

+ Nước thải sinh hoạt: bố trí 02 nhà vệ sinh di động, có bể tự hoại 03 ngăn liền khối vật liệu Composit thể tích 5.000 lít (ngăn lắng cặn và lên men, ngăn lắng đợt 1, ngăn lắng đợt 2), nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể tự hoại được dẫn ra nguồn tiếp nhận. Sau khi kết thúc thi công sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút và vận chuyển bùn thải đi xử lý;

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

- Nước thải rửa cốt liệu: được xử lý bằng 02 bể lắng (mỗi khu vực 1 bể lắng) dung tích 02 m³ kích thước 1 m × 1 m × 2 m. Cặn lắng được nạo vét và vận chuyển đến bãi đổ thải của dự án.

- Hệ thống nước mưa chảy tràn: nền đường được tạo độ dốc theo đúng thiết kế có độ dốc về phía taluy dương (không để nước mưa chảy tràn từ phía taluy dương chảy qua mặt đường về phía taluy âm). Sau đó thoát theo địa hình tự nhiên rồi về các điểm thoát nước ngang theo thiết kế của dự án được bố trí dọc tuyến đường

- Nguồn tiếp nhận nước mưa chảy tràn, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt là suối Ngà Khí Lò Khả và suối Ló Na Lò Khả.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn: nền đường được thiết kế có độ dốc về phía taluy dương (không để nước mưa chảy tràn từ phía taluy dương chảy qua mặt đường về phía taluy âm). Sau đó thoát theo địa hình tự nhiên rồi về các điểm thoát nước ngang theo thiết kế của dự án được bố trí dọc tuyến đường.

- Hệ thống thoát nước ngang:

+ Xây dựng 25 cống tròn có đường kính trong D100 cm; D150 cm và D200 cm (theo định hình 533-01-01) chiều dày lần lượt là 12 cm, 16 cm, 20 cm, kết cấu BTCT M200#;

+ Xây dựng 01 cống tròn đôi đường kính trong D200 cm (theo định hình 533-01-01) dày 20 cm kết cấu BTCT M200#;

+ Xây dựng 03 cống bản $Lo = 1,0$ m (theo định hình 69-34X); kết cấu móng cống, tường đầu, tường cánh, hồ tụ, sân cống bằng BTXM M150#;

+ Xây dựng 01 cống hộp thoát nước kích thước rộng 3m, cao 3 m; đáy cống đổ bê tông lót VXM M100#, dày 10 cm; kết cấu thân cống bằng BTCT M300#.

Những vị trí đặt cống thoát nước ngang hầu hết được đặt ở những vị trí tụ thủy và khe nước địa hình tự nhiên, hạ lưu cống được gia cố bằng đá hộc xếp khảm để chống xói lở, nước thoát về phía hạ lưu đổ ra khe tự nhiên không có ảnh hưởng tới đất đai sản xuất của nhân dân.

4.1.2. Đối với thu gom, xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công

- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị sử dụng phải có giấy phép hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm cả đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật môi trường;

- Tổ chức xây dựng hợp lý bao gồm cả lập phương án thi công, tiến độ thi công lựa chọn tuyến đường vận chuyển, loại phương tiện vận chuyển...;

- Tổ chức thi công làm dứt điểm từng đoạn, từng hạng mục, thi công tới đâu thu dọn hiện trường và làm vệ sinh ngay tới đó để hạn chế chất thải rắn và các vật liệu xây dựng vương vãi trên công trường và trên các tuyến vận chuyển. Bố trí kế hoạch vận tải, đào đất, đổ thải và xây dựng liên hoàn, hợp lý;

- Khi tiến hành thi công, bố trí hợp lý mật độ hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công, các phương tiện hoạt động đúng công suất thiết kế, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ;

- Các nguyên vật liệu xây dựng không tập trung quá nhiều trên mặt bằng công trường, sẽ tạo ra nguồn phát sinh bụi cho khu vực;

- Che phủ bạt đối với một số nguyên vật liệu xây dựng được tập kết tại mặt bằng công trường như cát, đá, xi măng... để hạn chế bụi phát sinh;

- Thường xuyên thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng tại mặt bằng công trường đến nơi quy định để hạn chế nguồn phát sinh bụi;

- Xe chở vật liệu xây dựng đến công trường được che phủ, sàn xe phải được lót kín tránh rơi vãi vật liệu, đất cát gây ô nhiễm bụi dọc 2 bên tuyến đường vận chuyển;

- Máy móc, thiết bị, xe vận chuyển sau khi làm việc phải được rửa sạch sẽ, tránh gây vương vãi bùn đất gây ô nhiễm bụi;

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian dừng chờ bốc dỡ nguyên vật liệu, xe chở theo trọng tải quy định của nhà sản xuất. Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ phương tiện vận tải và thiết bị thi công.

b) Giai đoạn vận hành

Không chặt phá cây xanh ngoài phạm vi chiếm đất của dự án để duy trì hệ thống cây xanh tự nhiên góp phần điều hòa không khí, giảm tác động của khí thải giao thông phát tán rộng ra môi trường xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí 06 thùng đựng rác composit dung tích 150 lít tại các khu lán trại (03 thùng/khu) để thu gom rác thải sinh hoạt;

+ Thực hiện quản lý, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng các quy định của pháp Luật và Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

+ Đối với các loại có thể tái chế, tái sử dụng được thu gom để tái sử dụng hoặc bán phế liệu;

+ Đối với rác thải còn lại không tái sử dụng, tận dụng được sẽ thu gom vào các thùng chứa rác sau đó vận chuyển để chôn lấp hợp vệ sinh tại hố chôn lấp được xây dựng trên khu vực bãi thải 2 và 4. Dự kiến xây dựng hố chôn lấp như sau:

* Vị trí xây dựng hố chôn lấp sát khu vực chân núi, cách xa nguồn nước suối;

* Kích thước ô chôn lấp dài 3 m, rộng 2m, sâu 2 m;

* Số lượng: 2 hố chôn lấp/2 mặt bằng thi công;

* Bố trí bể chứa nước rỉ rác với dung tích 1m³/hố chôn lấp, kích thước mỗi cạnh (dài, rộng, sâu) 1 m;

* Hố chôn lấp rác sinh hoạt được xây dựng dựa trên các quy định của TCVN 6696:2009 “Chất thải rắn – Bãi chôn lấp hợp vệ sinh – Yêu cầu về bảo vệ môi trường”.

- Chất thải rắn phát quang thực bì:

+ Thân cây: được thu gom dùng cho các mục đích sử dụng gỗ;

+ Cành: các hộ dân thu gom làm củi đun;

+ Lá, rễ, cỏ: không tận dụng được sẽ được thu gom vận chuyển đưa đi đổ

thải tại vị trí các bãi thải của dự án, các thành phần này là các thành phần hữu cơ dễ phân hủy sẽ thành chất mùn góp phần thúc đẩy phát triển cây trồng.

- Chất thải rắn xây dựng

+ Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm bao bì, túi nilon,... tiến hành thu dọn toàn bộ chất thải vào khu vực hố chôn lấp chất thải sinh hoạt của dự án trước khi đóng cửa hố chôn lấp;

+ Chất thải rắn xây dựng: đầu mẩu sắt, thép vụn, vỏ bao xi măng... bán cho đơn vị thu mua phế liệu, các vật liệu thừa không bán phế liệu tiến hành thu dọn, vận chuyển về vị trí bãi thải của dự án trước khi đóng cửa bãi đổ thải;

+ Sắt, thép, gạch, đá... phá dỡ từ khu vực lán trại sẽ được các nhà thầu vận chuyển ra khỏi khu vực dự án để tiếp tục sử dụng cho các gói thầu khác của các đơn vị nhà thầu, đảm bảo không tồn đọng lại khu vực dự án;

+ Đất đá thải: tổng khối lượng phát sinh 60.716,11 m³; sử dụng 05 bãi thải được quy hoạch từ giai đoạn mở tuyến để đổ thải cho giai đoạn thi công tuyến đường. Các bãi thải dọc theo tuyến đường thi công với tổng diện tích khoảng 28.900 m².

* Bãi thải số 01 nằm bên bờ trái tuyến đường tại lý trình Km0+700 đến Km0+800 có diện tích khoảng 3.220 m² với dung tích chứa khoảng 25.000 m³. Độ dốc bãi thải 18 % tương đương với góc nghiêng là 12,4 độ.

* Bãi thải số 02 nằm bên bờ trái tuyến đường tại lý trình Km2+500 đến Km2+700 có diện tích khoảng 3.603 m² với dung tích chứa khoảng 40.000 m³. Độ dốc địa hình 16% tương đương với góc nghiêng là 9,3 độ.

* Bãi thải số 03 nằm bên bờ phải tuyến đường tại lý trình Km4+700 đến Km4+800 có diện tích khoảng 2.659 m² với dung tích chứa khoảng 28.000 m³. Độ dốc địa hình 25 % tương đương với góc nghiêng là 14,4 độ.

* Bãi thải số 04 nằm bên bờ trái tuyến đường tại lý trình Km6+300 đến Km6+500 có diện tích khoảng 4.452 m² với dung tích chứa khoảng 35.000 m³. Độ dốc địa hình 35 % tương đương với góc nghiêng là 19 độ.

* Bãi thải số 05 nằm bên bờ trái tuyến đường tại lý trình Km6+900 đến Km7+200 có diện tích khoảng 14.964 m² với dung tích chứa khoảng 40.000 m³. Độ dốc địa hình 21 % tương đương với góc nghiêng là 12,4 độ.

Sau khi kết thúc đổ thải sẽ tiến hành san gạt tạo mặt bằng và hoàn trả lại cho chính quyền địa phương, người dân địa phương đúng với mục đích sử dụng đất trước khi đổ thải.

b) Giai đoạn vận hành

Đối với chất thải rắn thông thường gồm chất thải rắn từ bảo trì, bảo dưỡng phải quản lý theo từng loại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của Ủy ban nhân dân

tỉnh Lai Châu ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công:

- Bố trí 02 kho chứa chất thải nguy hại tạm thời có diện tích 10 m² đặt bên trong kho vật tư của Dự án bố trí trên mặt bằng công trường, trong kho bố trí 06 thùng có nắp đậy dung tích 200 lít/thùng được dán mã riêng cho từng loại và 02 téc chứa dầu thải dung tích 0,5 m³;

- Hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Giai đoạn vận hành:

Trong giai đoạn vận hành không làm phát sinh chất thải nguy hại.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các loại xe chuyên dụng và bảo dưỡng định kỳ;
- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng từ đó đặt ra lịch thi công phù hợp đảm bảo tiếng ồn trong giới hạn cho phép;
- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công và khu dân cư;
- Thường xuyên bảo dưỡng và kiểm tra các loại phương tiện vận chuyển, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Tránh sử dụng các loại phương tiện, máy móc quá cũ tạo tiếng ồn lớn;
- Các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo hoạt động đúng công suất, vận chuyển đúng trọng tải quy định.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái và cảnh quan môi trường

- Không phát quang thảm thực vật vượt quá ranh giới Dự án.
- Giải pháp bảo vệ động - thực vật rừng:
 - + Nâng cao ý thức, trách nhiệm trong sinh hoạt của công nhân;
 - + Quản lý công nhân, tuyên truyền nhân dân không lợi dụng công trình dự án để khai thác, săn bắn, bắt bẫy động - thực vật rừng trái quy định của pháp luật.
- Thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ quá trình xây dựng Dự án để hạn chế tác động bồi lắng lòng suối ảnh hưởng đến hệ sinh thái dưới nước của khu vực.
- Giải pháp khắc phục việc thực hiện dự án sẽ làm mất diện tích rừng hiện có:

+ Cần thực hiện đo vẽ, kiểm đếm xác định rõ diện tích đất có rừng trong vùng dự án cần chuyển mục đích sử dụng để thực hiện dự án;

+ Hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định;

+ Xây dựng phương án trồng rừng thay thế theo quy định.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường kinh tế - xã hội

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng theo đúng trình tự quy định của Pháp luật;

- Xây dựng mối quan hệ hợp tác đoàn kết, chặt chẽ với chính quyền địa phương, với cộng đồng dân cư để đảm bảo an ninh, quốc phòng;

- Quản lý tốt công nhân và tuyên truyền, giáo dục để không phát sinh các tiêu cực làm ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

4.4.3. Giảm thiểu tác động do ảnh hưởng đến việc chiếm dụng đất

- Thực hiện tốt Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ được xây dựng theo các quy định pháp luật;

- Tuyên truyền sâu rộng về chính sách phát triển kinh tế và chính sách đền bù của nhà nước tới các hộ bị ảnh hưởng cũng như nghĩa vụ và quyền lợi của họ;

- Công khai các thông tin về dự án, tiến độ thi công đối với địa phương và các hộ bị ảnh hưởng, chính sách và phương án đền bù hỗ trợ, tái định cư;

- Ưu tiên sử dụng lao động là các đối tượng bị mất đất nương vào làm việc tại trong thời gian xây dựng Dự án;

- Trong trường hợp chiếm dụng đất tạm thời vào diện tích của người dân và tác động đến canh tác nông nghiệp chủ dự án thực hiện hỗ trợ, đền bù đảm bảo quy định hiện hành.

4.4.4. Biện pháp giảm thiểu tác động đến tuyến đường giao thông nông thôn

- Tổ chức vận chuyển hợp lý, đảm bảo vệ sinh, an toàn trong quá trình sử dụng;

- Không tập kết các phương tiện máy móc thi công, vật liệu xây dựng và đất đá thải lẫn chiếm phần đường tại các tuyến đường;

- Đặt biển báo cảnh giới có khu vực công trường đang thi công, tổ chức chắn gác và có người hướng dẫn giao thông, ban đêm có đèn chiếu sáng và đèn cảnh báo cho người tham gia giao thông nhận biết;

- Thực hiện các thủ tục đầu nối tuyến đường của Dự án với nút giao đầu nối ra, vào với tuyến đường giao thông hiện tại theo quy định;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị gây ra khi thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

4.4.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do lấn chiếm rừng phòng hộ

- Không chặt phá rừng vượt quá ranh giới Dự án;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm trong sinh hoạt của công nhân.
- Quản lý công nhân, tuyên truyền nhân dân không lợi dụng công trình dự án để khai thác thực vật rừng trái quy định của pháp luật;
- Thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ rừng.

4.4.6. Biện pháp giảm thiểu tác động từ việc đổ thải ở các bãi thải

- Vị trí các bãi thải được lựa chọn đổ thải tại các vùng đất trống, đất nông nghiệp không trồng gì (đất nương bỏ hoang lâu năm). Tại chân các bãi thải không có vùng sản xuất của người dân;
- Trong quá trình đổ thải nếu phát hiện có hoa màu của người dân còn sót lại chủ dự án tiến hành công tác bồi thường cho người dân;
- Sau khi đổ thải tiến hành san gạt ở các vị trí đổ thải, hoàn trả lại mặt bằng cho người dân.

4.4.7. Biện pháp giảm thiểu tác động từ việc lấn chiếm nương thủy lợi của người dân

- Lắp đặt cống tròn tại vị trí phá dỡ nương thủy lợi để đảm bảo cấp nước cho nương thủy lợi như hiện trạng ban đầu;
- Lựa chọn thời gian thi công vị trí này tại thời điểm nghỉ chờ giữa hai mùa vụ (dự kiến vào tháng 6 của dương lịch trong thời gian thi công);
- Thực hiện phá dỡ kết cấu nương đất hiện trạng và lắp đặt ngay các cống tròn như trong thuyết minh của dự án đề xuất để đảm bảo dòng chảy trên nương dự kiến thời gian thi công khoảng 15 đến 20 ngày;
- Trường hợp trong thời gian thi công người dân phía hạ lưu cần sử dụng nước, sẽ tiến hành lắp đặt tạm tuyến đường ống nhựa PVC220 đấu trực tiếp vào đầu đoạn nương bị phá bỏ dẫn qua đường để dẫn dòng đảm bảo cung cấp nước cho người dân có đất canh tác phía hạ lưu tuyến kênh;
- Chủ dự án cam kết lắp đặt hoàn trả ngay sau khi hoàn thành xong tuyến đường thi công vận hành của dự, chất lượng xây hoàn trả phải đảm bảo bằng hoặc tốt hơn hiện trạng tuyến kênh tại thời điểm trước khi phá dỡ.

4.4.8. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Sự cố cháy nổ

- Tuân thủ các quy trình kỹ thuật đảm bảo an toàn nghiêm ngặt;
- Không bố trí lán trại tại khu vực gần rừng;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm trong sinh hoạt của công nhân;
- Bố trí các phương tiện chống cháy;
- Xây dựng nội quy công trường, nội quy cấp phát nhiên liệu để phổ biến cho mọi người;

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc phát hiện và ngăn chặn các hành vi đốt rừng (do người dân trong vùng gây nên) và kịp thời dập đám cháy khi có sự cố xảy ra vượt tầm kiểm soát của Đơn vị thực hiện.

b) Sự cố tai nạn lao động

- Đề ra các nội quy an toàn lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành an toàn cho máy móc, thiết bị;

- Phổ biến các tài liệu hướng dẫn thao tác vận hành máy móc an toàn;

- Các thiết bị máy móc phải được kiểm tra định kỳ;

- Phải có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng rơi, ngã, điện giật;

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân như mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang,... và phải có những quy định nghiêm ngặt về sử dụng;

- Khi có tai nạn xảy ra thực hiện sơ cấp cứu ban đầu cho công nhân trước khi chuyển đến bệnh viện nơi gần nhất.

c) Sự cố tai nạn giao thông

- Bố trí hệ thống biển báo hiệu và người điều khiển giao thông tại các nút giao cắt giữa khu vực thi công dự án và tuyến đường trong khu vực;

- Phối hợp với các Chủ đầu tư dự án lân cận trong quá trình thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông tại khu vực;

- Khi sự cố tai nạn giao thông xảy ra có phương án ứng cứu kịp thời và nhanh chóng khắc phục sự cố.

d) Sự cố sạt lở

- Đơn vị thi công phải thường xuyên theo dõi tình hình dự báo thời tiết và trình lên chủ dự án để có phương án phòng ngừa khi xảy ra thiên tai;

- Di chuyển những vật tư, thiết bị để có thể giảm thiểu thiệt hại về vật chất.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Thực hiện theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định của Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường của Chủ dự án

5.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát (02 vị trí): nước thải sinh hoạt của công nhân tại 02 lán trại sau xử lý;

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, TDS, H₂S, NH₄⁺, NO₃⁻, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt, PO₄³⁻, tổng coliform;

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

b) Giám sát nước thải xây dựng

- Vị trí giám sát (02 vị trí): điểm thoát nước thải sau bể rửa cốt liệu;
- Thông số giám sát: lưu lượng, pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, Sắt (Fe), Tổng Photpho (tính theo P), Tổng N, Dầu mỡ khoáng, S²⁻, Coliform;
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

c) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát (03 vị trí): tại điểm đầu, giữa, cuối tuyến thi công;
- Thông số giám sát: TSP, SO₂, NO_x, CO;
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

d) Chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: khu vực phát sinh chất thải rắn xây dựng; dầu mỡ thải và chất thải nguy hại; khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại tại vị trí các mặt bằng thi công;
- Thông số giám sát: khối lượng chất thải rắn phát sinh; khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải nguy hại;
- Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục trong quá trình thi công.

e) Các giám sát khác

- Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động;
- Giám sát việc thu gom, quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công Dự án;
- Giám sát công trình bảo vệ môi trường đối với các bãi thải đất đá, hồ chôn lấp rác thải sinh hoạt;
- Kiểm tra, giám sát các sự cố môi trường;
- Giám sát hiện tượng xói mòn, trượt, sạt lở trên tuyến;
- Tần suất giám sát: hàng ngày trong suốt thời gian xây dựng.

5.2.2. Giai đoạn vận hành

- Kiểm tra, giám sát định kỳ chất lượng tuyến đường;
- Kiểm tra, giám sát hệ thống cống ngang qua đường;
- Tần suất giám sát: 1 tháng/lần và tăng tần suất vào mùa mưa.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Việc triển khai thực hiện dự án phải đảm bảo đúng theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đầy đủ các thủ tục về chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện trồng rừng thay thế theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp đối với phạm vi rừng đã có rừng.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý đất đai, an toàn điện, phòng, chống thiên tai và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; chủ động huy động nhân lực, vật lực để thực hiện nhiệm vụ ứng phó với các tình huống thiên tai, kiểm tra phát hiện sự cố, các hiện tượng mất an toàn tại khu vực Dự án trong quá trình thi công và vận hành.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã đề xuất thực hiện./.
